

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thư

2. Ông Trương Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa sơ thẩm: Bà Lê Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Tiến D**, sinh năm 1980 (đề nghị vắng mặt); địa chỉ: Số H, Phố K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1981 (đề nghị vắng mặt); địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2023, đơn xin vắng mặt ngày 30/7/2023 và hồ sơ do Tòa án nhân dân Tp. Vĩnh Long chuyển đến, nguyên đơn anh Lê Tiến D trình bày: Anh và chị Trần Thị Ngọc T qua tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Sơn (huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ) theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/3/2007. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Gia đình anh ở M nhưng chị T không đồng

ý về chung sống, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thể hàn gắn, từ đó vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh không tạo ra tài sản chung và không có nợ chung.

Anh Dũng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T, do bận đi làm ở xa không thể xin nghỉ việc nên anh yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại bản tự khai ngày 21/9/2023 và đơn xin không tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xin vắng mặt ngày 21/9/2023, bị đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh D1 tự tìm hiểu được khoảng một năm thì tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Thanh Sơn (huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ) ngày 30/3/2007. Năm 2010, anh D1 về quê cha mẹ ruột ở huyện T, tỉnh Phú Thọ ăn Tết, anh D1 kêu chị ra sống cùng anh D1 ở Phú Thọ nhưng chị không đồng ý, từ đó cả 02 đã ly thân với nhau cho đến nay. Sau này chị và anh D1 không còn liên hệ với nhau nữa, trước khi anh D1 về quê thì vợ chồng cũng thường xuyên mâu thuẫn gây gổ. Chị T xác định không còn tình cảm với anh D1 và đồng ý ly hôn với anh D1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị phải đi làm không xin nghỉ được nên không sắp xếp đến dự phiên tòa nên xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tiến D, anh D được ly hôn chị Trần Thị Ngọc T. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét (*Căn cứ pháp lý và lập luận có văn bản gửi lưu hồ sơ vụ án*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét anh Lê Tiến D yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Ngọc T, chị T có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc

thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh D, chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh D, chị Tiếng là đúng quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét anh D và chị T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Xét đời sống vợ chồng đã không có hạnh phúc, từ lâu đã không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Dũng, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh D được ly hôn chị Tiếng là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Anh D2 và chị T xác định không có con chung nên không yêu cầu xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Tiến D phải nộp án phí 300.000đ theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Tiến D.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Tiến D được ly hôn chị Trần Thị Ngọc T.
2. Về con chung: Không có con chung nên không xem xét.
3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Tiến D phải nộp án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*); số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002216 ngày 05/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS Tp. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND thị trấn Thanh Sơn (h. Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ): 01;
- Lưu: 04.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

